

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
THIÊN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2018, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM
Ngày 09 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2133-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.162.318.477.352	1.092.625.642.734
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.270.068.013	33.512.832.181
1. Tiền	111		13.736.068.013	14.574.832.181
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.534.000.000	18.938.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		416.396.776.886	230.373.924.626
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	190.523.953.739	208.010.353.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	108.082.092.744	14.291.704.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	117.790.730.403	8.071.866.740
III. Hàng tồn kho	140		728.557.719.614	827.005.309.177
1. Hàng tồn kho	141	8	728.557.719.614	827.005.309.177
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		93.912.839	1.733.576.750
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.623.632.390
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	93.912.839	109.944.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.996.352.221	256.074.645.607
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	85.005.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	5.000.000	85.005.000.000
II. Tài sản cố định	220		42.617.039.157	47.178.447.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.612.277.342	20.263.685.435
- Nguyên giá	222		36.764.594.167	38.567.503.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.152.316.825)	(18.303.817.622)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	27.004.761.815	26.914.761.812
- Nguyên giá	228		28.226.468.417	28.106.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.221.706.602)	(1.191.706.605)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	86.374.432.292	90.613.023.320
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.827.892.730)	(15.589.301.702)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	30.329.325.454
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	30.329.325.454
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		52.800.000.000	2.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	2.800.000.000	2.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	50.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		199.880.772	148.849.586
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		199.880.772	148.849.586
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.344.314.829.573	1.348.700.288.341

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		935.397.946.165	977.971.689.077
I. Nợ ngắn hạn	310		873.454.906.165	909.069.329.077
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	99.671.164.443	193.090.495.194
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.762.311.723	19.902.428.256
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	10.746.777.755	3.498.055.420
4. Phải trả người lao động	314		21.884.111.387	21.075.522.081
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.258.759.203	1.351.808.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	352.755.000	301.005.000
7. Vay ngắn hạn	320	17	732.779.026.654	666.319.713.911
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	3.530.300.472
II. Nợ dài hạn	330		61.943.040.000	68.902.360.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	42.943.040.000	42.902.360.000
2. Vay dài hạn	338	18	19.000.000.000	26.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		408.916.883.408	370.728.599.264
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	408.916.883.408	370.728.599.264
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.921.670.000	101.047.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.921.670.000	101.047.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.264.443.637	34.138.343.637
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		136.111.305.853	97.149.424.300
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.597.989.218	150.371.586.627
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		64.411.025.753	57.816.919.943
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		85.186.963.465	92.554.666.684
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.344.314.829.573	1.348.700.288.341


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng


Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018



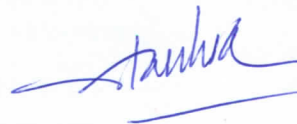
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.143.615.830.796	3.453.872.057.055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		168.559.104	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	4.143.447.271.692	3.453.872.057.055
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	3.897.796.640.739	3.230.346.028.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		245.650.630.953	223.526.028.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.193.637.332	49.525.625.334
7. Chi phí tài chính	22	26	54.050.513.911	42.896.099.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.935.801.306	42.120.485.230
8. Chi phí bán hàng	25	27	24.352.065.261	31.356.025.932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	52.819.598.227	57.637.205.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		120.622.090.886	141.162.322.909
11. Thu nhập khác	31		2.100.495.550	2.838.693.044
12. Chi phí khác	32		1.641.370.783	6.220.205.024
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		459.124.767	(3.381.511.980)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		121.081.215.653	137.780.810.929
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	23.647.039.188	27.811.275.245
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		97.434.176.465	109.969.535.684



Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
 Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 3 năm 2018





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.081.215.653	137.780.810.929
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.231.785.575	8.969.739.390
Các khoản dự phòng	03	-	(2.206.191.931)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(121.032.610)	414.483.840
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.054.652.040)	(14.659.419.391)
Chi phí lãi vay	06	53.935.801.306	42.120.485.230
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	169.073.117.884	172.419.908.067
Thay đổi các khoản phải thu	09	(156.940.211.155)	(51.411.966.285)
Thay đổi hàng tồn kho	10	98.447.589.563	(152.820.550.257)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(55.414.411.867)	45.575.294.200
Thay đổi chi phí trả trước	12	(51.031.186)	(26.428.140)
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	-	40.000.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.010.850.846)	(42.101.448.807)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.191.765.595)	(30.734.121.181)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	416.610.000	143.630.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(40.867.856.416)	(7.707.895.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(62.538.809.618)	(26.663.577.898)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(43.468.081.600)	(43.482.857.797)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	97.636.363.637	5.507.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	(400.000.000)
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.674.939.829	4.650.324.310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.843.221.866	(33.724.806.214)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.549.753.734.817	2.989.785.422.829
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.490.294.422.074)	(2.926.472.055.826)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(22.007.036.000)	(25.069.915.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.452.276.743	38.243.452.003
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(16.243.311.009)	(22.144.932.109)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.512.832.181	55.657.764.290
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	546.841	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.270.068.013	33.512.832.181


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quận 10, theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301172041 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán là TNA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 63 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; đại lý ký gửi hàng hóa; thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê xe du lịch; mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); mua bán xe ô tô; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ giao nhận hàng hóa; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con

- Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0306489067, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0314760724, đăng ký ngày 28 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là phân phối sỉ ngành hàng điện máy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 chưa đi vào hoạt động và Công ty mẹ chưa tiến hành góp vốn.

Công ty liên kết

Công ty có một Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2001265436, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là kinh doanh bất động sản. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty; vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 228 và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn, chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn và chi phí san lấp mặt bằng không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính riêng của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	192.003.342	378.155.498
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.544.064.671	14.196.676.683
Các khoản tương đương tiền	3.534.000.000	18.938.000.000
	17.270.068.013	33.512.832.181

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất là 4,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 4,3%/năm đến 5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu các bên thứ ba	175.743.508.656	191.316.353.543
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh	114.748.363.816	107.202.055.731
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	54.162.933.906	14.780.478.564
- Bà Lê Ngọc Đào	-	58.000.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.832.210.934	11.333.819.248
b. Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	14.780.445.083	16.694.000.343
	190.523.953.739	208.010.353.886

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã dùng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 17).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	104.296.000.000	14.221.600.000
Các nhà cung cấp khác	3.786.092.744	70.104.000
	108.082.092.744	14.291.704.000

(*) Các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Khu nhà ở Saigon Mystery Villas, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết.



7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	4.852.929.313	4.097.984.745
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	100.000.000.000	-
- Lợi nhuận được chia từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.986.666.667	-
- Phải thu người lao động	47.000.000	105.745.950
- Ký cược, ký quỹ	-	3.352.334.248
- Phải thu khác	904.134.423	515.801.797
	117.790.730.403	8.071.866.740
b. Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	-	50.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào (*)	-	35.000.000.000
- Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
	5.000.000	85.005.000.000

(*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư từ khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận một khoản tiền cố định, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh và Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào. Trong năm, các khoản đầu tư dài hạn đã được thu hồi.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.008.337.236	-	127.743.915.993	-
Nguyên liệu, vật liệu	233.058.870.510	-	233.058.648.615	-
Hàng hoá	492.490.511.868	-	466.202.744.569	-
	728.557.719.614	-	827.005.309.177	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (Thuyết minh số 17).

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Truy thu thuế các năm trước VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	18.582.638.832	2.434.044	(10.595.614.190)	7.989.458.686
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(10.960.576)	65.658.977.772	-	(65.648.017.196)	-
Thuế xuất nhập khẩu	(98.983.784)	7.694.071.364	-	(7.689.000.419)	(93.912.839)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	23.343.099	-	(23.343.099)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.005.241.086	23.647.039.188	24.235.612	(23.191.765.595)	2.484.750.291
Thuế thu nhập cá nhân	1.492.814.334	12.499.081.570	-	(13.719.327.126)	272.568.778
Tiền thuê đất	-	5.574.885.708	-	(5.574.885.708)	-
Thuế tự vệ	-	1.402.083.355	-	(1.402.083.355)	-
Các loại thuế khác	-	21.174.780	-	(21.174.780)	-
	3.388.111.060	135.103.295.668	26.669.656	(127.865.211.468)	10.652.864.916
<i>Trong đó:</i>					
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	109.944.360				93.912.839
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	3.498.055.420				10.746.777.755

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	11.498.803.834	17.684.415.524	9.298.440.449	55.778.000	30.065.250	38.567.503.057
Thanh lý	-	-	(1.802.908.890)	-	-	(1.802.908.890)
Số dư cuối năm	11.498.803.834	17.684.415.524	7.495.531.559	55.778.000	30.065.250	36.764.594.167
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	5.241.546.295	8.677.639.844	4.298.788.233	55.778.000	30.065.250	18.303.817.622
Khấu hao trong năm	833.318.424	1.949.404.470	1.180.471.656	-	-	3.963.194.550
Thanh lý	-	-	(1.114.695.347)	-	-	(1.114.695.347)
Số dư cuối năm	6.074.864.719	10.627.044.314	4.364.564.542	55.778.000	30.065.250	21.152.316.825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	6.257.257.539	9.006.775.680	4.999.652.216	-	-	20.263.685.435
Tại ngày cuối năm	5.423.939.115	7.057.371.210	3.130.967.017	-	-	15.612.277.342

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.982.476.373 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.263.869.221 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.447.597.605 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.255.276.605 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí san lấp mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	25.255.147.500	2.620.320.917	231.000.000	28.106.468.417
Tăng trong năm	-	-	120.000.000	120.000.000
Số dư cuối năm	25.255.147.500	2.620.320.917	351.000.000	28.226.468.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	960.706.605	231.000.000	1.191.706.605
Khấu hao trong năm	-	-	29.999.997	29.999.997
Số dư cuối năm	-	960.706.605	260.999.997	1.221.706.602
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	25.255.147.500	1.659.614.312	-	26.914.761.812
Tại ngày cuối năm	25.255.147.500	1.659.614.312	90.000.003	27.004.761.815

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 25.255.147.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 25.255.147.500 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 231.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 231.000.000 đồng).

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà-cửa và vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và Số dư cuối năm	106.202.325.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	15.589.301.702
Khấu hao trong năm	4.238.591.028
Số dư cuối năm	19.827.892.730
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	90.613.023.320
Tại ngày cuối năm	86.374.432.292

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 86.374.432.292 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 90.613.023.320 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 237.548.984 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 237.548.984 đồng).

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền	Số tiền VND	Hoạt động chính
		sở hữu %	biểu quyết %		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	70%	70%	2.800.000.000	Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa; bán lẻ thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168	Thành phố Hồ Chí Minh	75%	75%	-	Phân phối si ngành hàng điện máy
				<u>2.800.000.000</u>	

Trong năm 2017, Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam có lợi nhuận nên theo quy định của Thông tư 89, Công ty không cần trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 chưa đi vào hoạt động kinh doanh và theo quy định của Thông tư 89, Công ty không cần trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền	Số tiền VND	Hoạt động chính
		sở hữu %	biểu quyết %		
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	Tỉnh Cà Mau	22,5%	22,5%	50.000.000.000	Kinh doanh bất động sản
				<u>50.000.000.000</u>	

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268 chưa đi vào hoạt động kinh doanh và theo quy định của Thông tư 89, Công ty không cần trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Metal One Corporation	88.089.675.336	88.089.675.336	66.118.333.363	66.118.333.363
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	-	43.348.081.600	43.348.081.600
Samsung C&T Corporation	-	-	73.186.208.633	73.186.208.633
Các nhà cung cấp khác	11.581.489.107	11.581.489.107	10.437.871.598	10.437.871.598
	<u>99.671.164.443</u>	<u>99.671.164.443</u>	<u>193.090.495.194</u>	<u>193.090.495.194</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	194.745.000	142.995.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.010.000	8.010.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	150.000.000	150.000.000
	352.755.000	301.005.000
b. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	42.943.040.000	42.902.360.000
	42.943.040.000	42.902.360.000

(*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.

17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Các khoản vay ngắn hạn	659.319.713.911	3.549.753.734.817	(3.483.294.422.074)	725.779.026.654
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	80.650.000.000	377.537.220.447	(360.987.220.447)	97.200.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	217.883.316.511	1.090.046.837.819	(1.006.044.387.893)	301.885.766.437
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	242.985.255.861	1.166.383.110.571	(1.169.837.768.108)	239.530.598.324
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	36.891.811.189	119.905.563.507	(156.797.374.696)	-
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	48.855.567.500	274.650.110.893	(288.503.668.500)	35.002.009.893
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	28.850.000.000	171.660.652.000	(150.750.000.000)	49.760.652.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.698.762.850	46.167.851.229	(47.866.614.079)	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	282.442.388.351	(282.442.388.351)	-
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	15.000.000.000	(12.600.000.000)	2.400.000.000
- Vay ngắn hạn khác	1.505.000.000	5.960.000.000	(7.465.000.000)	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	7.000.000.000	7.000.000.000	(7.000.000.000)	7.000.000.000
	666.319.713.911	3.556.753.734.817	(3.490.294.422.074)	732.779.026.654

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi Ngân hàng tại ngày giải ngân. Các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở LC để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng giá trị các khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như trình bày tại Thuyết minh số 5, 8, 10, 11 và 12 hoặc không có tài sản bảo đảm.

18. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	33.000.000.000	-	(7.000.000.000)	26.000.000.000
	33.000.000.000	-	(7.000.000.000)	26.000.000.000
<i>Trong đó:</i>				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	7.000.000.000			7.000.000.000
- Số phải trả sau 12 tháng	26.000.000.000			19.000.000.000

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.000.000.000	19.000.000.000
	26.000.000.000	33.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn - Thuyết minh số 17)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	19.000.000.000	26.000.000.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.592.167	10.104.777
Số lượng cổ phiếu quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.247.213	9.759.823

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

2500-0
 NHÁNH
 CÔNG TY
 NHIỆM VỤ
 LOI TT
 TẾT NAM
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(11.978.525.300)	78.023.603.117	93.145.667.637	294.376.859.091
Tăng vốn trong năm	21.047.770.000	(21.047.770.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	109.969.535.684	109.969.535.684
Phân phối quỹ	-	-	-	19.125.821.183	(19.125.821.183)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.557.424.405)	(6.557.424.405)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	-	-	-	-	(1.639.356.101)	(1.639.356.101)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(25.069.915.000)	(25.069.915.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(351.100.005)	(351.100.005)
Số dư đầu năm nay	101.047.770.000	34.138.343.637	(11.978.525.300)	97.149.424.300	150.371.586.627	370.728.599.264
Tăng vốn trong năm (1)	24.873.900.000	(24.873.900.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	97.434.176.465	97.434.176.465
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	38.961.881.553	(38.961.881.553)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(33.395.898.474)	(33.395.898.474)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (2)	-	-	-	-	(3.339.589.847)	(3.339.589.847)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(22.007.036.000)	(22.007.036.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	(503.368.000)	(503.368.000)
Số dư cuối năm nay	125.921.670.000	9.264.443.637	(11.978.525.300)	136.111.305.853	149.597.989.218	408.916.883.408

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ chuyển đổi 122:25, mệnh giá cổ phần tăng thêm là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó có 487.991 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Sau khi phát hành thêm cổ phần, số lượng cổ phần và vốn điều lệ của Công ty tăng lên tương ứng 12.592.167 cổ phần và 125.921.670.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 ngày 10 tháng 7 năm 2017. Việc chuyển đổi trên đã được Công ty thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 2655/UBCK-QLCB ngày 12 tháng 5 năm 2017.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2017, Công ty đã công bố chia cổ tức đợt cuối năm 2016 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 với số tiền là 9.759.823.000 đồng và tạm ứng cổ tức năm 2017 từ lợi nhuận chưa phân phối năm nay với số tiền là 12.247.213.000 đồng cho cổ đông. Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 22.007.036.000 đồng.



20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	715,95	733,55

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng... chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm (chiếm tỷ trọng khoảng 3% tổng doanh thu) cũng như các niên độ kế toán trước (chiếm tỷ trọng khoảng 4% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các năm trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn xuất bán hàng hóa trong nội địa trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và các năm trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	3.200.594.053.794	2.535.201.423.299
- Doanh thu thành phẩm đã bán	823.767.115.200	789.089.545.146
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	73.052.873.897	96.271.116.431
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	40.632.166.667	28.055.833.332
- Doanh thu dịch vụ khác	5.569.621.238	5.254.138.847
	4.143.615.830.796	3.453.872.057.055
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	168.559.104	-
	4.143.447.271.692	3.453.872.057.055
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	54.914.186.247	54.378.326.048

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.066.096.211.004	2.408.999.968.614
Giá vốn của thành phẩm đã bán	789.984.450.643	756.620.185.237
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	41.715.979.092	65.298.235.101
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(572.360.182)
	3.897.796.640.739	3.230.346.028.770

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	776.303.769.543	743.296.354.208
Chi phí nhân công	52.709.492.477	57.213.153.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.231.785.575	8.969.739.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.498.098.333	39.072.772.251
Chi phí khác bằng tiền	10.801.976.041	9.017.871.529
	878.545.121.969	857.569.891.052

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	582.898.087	1.157.902.604
Lãi chênh lệch tỷ giá	609.435.745	862.175.929
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.852.929.313	4.097.984.745
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	43.402.144.350
Lãi chậm thanh toán	148.374.187	5.417.706
	6.193.637.332	49.525.625.334

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	53.935.801.306	42.120.485.230
Lỗ chênh lệch tỷ giá	114.712.605	775.613.805
	54.050.513.911	42.896.099.035

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	5.637.019.166	5.311.625.264
Chi phí vật liệu, bao bì	76.082.997	155.689.142
Chi phí khấu hao tài sản cố định	742.809.996	936.921.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.399.936.758	23.415.212.471
- Chi phí tiện ích	2.859.598.568	3.286.965.668
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	6.447.679.778	12.569.808.222
- Chi phí thuê kho, bảo trì	4.541.208.619	4.065.708.685
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	1.551.449.793	3.492.729.896
Chi phí khác bằng tiền	2.496.216.344	1.536.577.816
	24.352.065.261	31.356.025.932

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	47.072.473.311	51.901.528.410
Chi phí vật liệu, bao bì	324.084.626	331.951.910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.140.225.405	1.360.268.822
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.633.831.749)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.312.852	1.610.924.899
Chi phí khác bằng tiền	3.265.502.033	4.066.363.451
	52.819.598.227	57.637.205.743

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	121.081.215.653	137.780.810.929
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.006.909.602	5.373.550.041
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.852.929.313)	(4.097.984.745)
Thu nhập tính thuế	118.235.195.942	139.056.376.225
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.647.039.188	27.811.275.245

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	751.779.026.654	692.319.713.911
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(17.270.068.013)	(33.512.832.181)
Nợ thuần	734.508.958.641	658.806.881.730
Vốn chủ sở hữu	408.916.883.408	370.728.599.264
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,80	1,78

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.270.068.013	33.512.832.181
Phải thu khách hàng và phải thu khác	308.272.684.142	300.981.474.676
	325.542.752.155	334.494.306.857
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	751.779.026.654	692.319.713.911
Phải trả người bán và phải trả khác	142.966.959.443	236.293.860.194
Chi phí phải trả	1.258.759.203	1.351.808.743
	896.004.745.300	929.965.382.848

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/(tăng) 15.035.580.533 đồng (năm 2016: 13.846.394.278 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh như trình bày tại Thuyết minh số 5. Tuy nhiên, Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả, do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.270.068.013	-	-	17.270.068.013
Phải thu khách hàng và phải thu khác	308.267.684.142	5.000.000	-	308.272.684.142
	325.537.752.155	5.000.000	-	325.542.752.155
Các khoản vay	732.779.026.654	19.000.000.000	-	751.779.026.654
Phải trả người bán và phải trả khác	100.023.919.443	4.943.040.000	38.000.000.000	142.966.959.443
Chi phí phải trả	1.258.759.203	-	-	1.258.759.203
	834.061.705.300	23.943.040.000	38.000.000.000	896.004.745.300
Chênh lệch thanh khoản thuần	(508.523.953.145)	(23.938.040.000)	(38.000.000.000)	(570.461.993.145)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.512.832.181	-	-	33.512.832.181
Phải thu khách hàng và phải thu khác	215.976.474.676	85.005.000.000	-	300.981.474.676
	249.489.306.857	85.005.000.000	-	334.494.306.857
Các khoản vay	666.319.713.911	26.000.000.000	-	692.319.713.911
Phải trả người bán và phải trả khác	193.391.500.194	4.902.360.000	38.000.000.000	236.293.860.194
Chi phí phải trả	1.351.808.743	-	-	1.351.808.743
	861.063.022.848	30.902.360.000	38.000.000.000	929.965.382.848
Chênh lệch thanh khoản thuần	(611.573.715.991)	54.102.640.000	(38.000.000.000)	(595.471.075.991)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng phần doanh thu phát sinh dựa trên các đơn hàng và hàng tồn kho của Công ty được luân chuyển nhanh giúp Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam
 Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	54.914.186.247	54.378.326.048
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Sài Gòn 268	50.000.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao	17.712.095.000	11.129.000.000
Phụ cấp	605.283.200	436.835.800

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	<u>14.780.445.083</u>	<u>16.694.000.343</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	<u>4.852.929.313</u>	<u>4.097.984.745</u>

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.038.159.202 đồng (năm 2016: 1.113.208.742 đồng), là số tiền lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Tuy nhiên, tiền lãi vay đã trả trong năm đã bao gồm 1.113.208.742 đồng là số tiền lãi của năm trước đã trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm đã bao gồm 43.348.081.600 đồng là số tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm trước đã được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định đã bao gồm 58.000.000.000 đồng, là số tiền chưa thu được từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm trước nhưng đã thu được tiền trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác.

Thu nhập lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 18.376.800 đồng (năm 2016: 12.433.797 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Tuy nhiên, tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm đã bao gồm 12.433.797 đồng là số tiền lãi của năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 4.852.929.313 đồng (năm 2016: 4.097.984.745 đồng), là số cổ tức và lợi nhuận phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Tuy nhiên, tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm 4.097.984.745 đồng là số tiền cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2018